

Phụ lục I
Bổ sung danh mục và điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Địa điểm mà tài khoản dự án	Mã ngành kinh tế	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được giao						Kế hoạch vốn năm 2026 đã bố trí			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2026			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2026				Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh				Chú đầu tư	Ghi chú		
									Số quyết định, nghị, thông, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, nghị, thông, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chi đầu tư từ XDCB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ XDCB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ XDCB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chi đầu tư từ XDCB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ XDCB tập trung trong nước (vốn NSTT)			Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025
1	2	3	4	5	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19	21	23	25	19	21	23	25	19	21	23	25	19	21	23	25	19	21	23	25	27	28		
	TỔNG SỐ										96.363	56.323		88.868	50.834		80.173	15.840	43.068	14.000	38.640	15.448	9.192	14.000	3.590	27.151	0	3.230	0	0	66.500	15.808	36.692	14.000					
A	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ										56.323	56.323	0	53.397	50.834	0	48.265	0	30.500	14.000	14.000	0	0	14.000	0	22.500	0	0	0	0	36.500	0	22.500	14.000					
I	GIAO THÔNG										50.049	50.049	0	47.132	47.132	0	42.000	0	28.000	14.000	14.000	0	0	14.000	0	20.000	0	0	0	0	34.000	0	20.000	14.000					
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030										50.049	50.049		47.132	47.132		42.000	0	28.000	14.000	14.000	0	0	14.000	0	20.000	0	0	0	0	34.000	0	20.000	14.000					
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Lê Quyên, phường Lý Văn Lâm	8181.409																																					
2	Dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Bà Cui (từ cầu Kênh Lãng đến giáp ranh Gino Yim)	8181.489																																					
3	Dự án nâng cấp tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến sông Cảnh Hòa), phường Lý Văn Lâm	8204.513																																					
II	BỐI ƯU CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIÀM NGHEỒ BIÊN VÙNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BAO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030										6.274	6.274		6.265	3.702		6.265		2.500													2.500	2.500						
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hy tặng cho các phương xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo										6.274	6.274		6.265	3.702		6.265		2.500													2.500	2.500						
1.1	Dự án xây dựng mới lộ giao thông tuyến kênh Báo Ràng (đoạn còn lại)	8215.938																																					
1.2	Dự án xây dựng mới lộ giao thông tuyến kênh Bá Thu, khóm Tân Hưng (đoạn còn lại)	8217.659																																					
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUẢN LÝ										40.040			35.471		16.208	31.908	15.840	12.568	24.640	15.448	9.192		3.590	4.651		3.230			30.000	15.808	14.192							
I	GIAO THÔNG										30.039			25.953		16.208	20.742	9.523	11.219	17.292	9.100	8.192		2.121	3.027		1.730			20.510	9.491	11.019							
1	Đầu tư nâng cấp bê tông hóa (đoạn từ kênh Rạch Rập đến giáp ranh khóm 4)	8175.141																																					
2	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng tuyến kênh Phước Thái, khóm 5, phường Lý Văn Lâm	8175.596																																					
3	Đầu tư xây dựng cầu Đường Lầu, kênh Chín Viên	8177.105																																					
4	Đầu tư xây dựng lộ giao thông tuyến Báo Ràng, khóm Tân Đình, phường Lý Văn Lâm	8174.676																																					
5	Đầu tư xây dựng mới lộ giao thông tuyến kênh Bá Thu, phường Lý Văn Lâm	8175.594																																					
6	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến lộ khóm Ông Mườn (đoạn từ bên phải Ông Mườn đến cầu Bá Thọ), phường Lý Văn Lâm	8176.301																																					
7	Đầu tư xây dựng cầu Lung Dita	8175.595																																					

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án	Mã ngành kinh tế	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được giao			Kế hoạch vốn năm 2026 đã bố trí			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2026			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2026			Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú				
									Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giảm (-)					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025		Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết năm 2025		Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết năm 2025	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xã số kiến thiết năm 2025		Chi đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết năm 2025								
8	Đầu tư nâng cấp tuyến đường vào khu tập thể thủy sản	8179715	KBNN khu vực XX - Phòng GD số 12	292	C		Tổng chiều dài tuyến: 136m	2026	1549/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	3.512		1724/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.917	2026	2.475	1.500	975		1.500	1.500			975				2.475	1.500	975		Ban Quản lý dự án						
II GIÁO DỤC ĐÀO TẠO																																					
1	Đầu tư xây dựng mới hội trường Trường Mầm non Ban Mai	8175468	KBNN khu vực XX - Phòng GD số 12	292	C		Diện tích: 250m2	2026	1575/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	2.400		1741/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.389	2026	2.253	2.253			1.500	1.500			753				2.253	2.253			UBND phường Lý Văn Lâm						
2	Đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa khối 5 phòng, khối 3 phòng Trường Mầm non Ban Mai	8175469	KBNN khu vực XX - Phòng GD số 12	292	C		Diện tích: 650m2	2026	1577/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	507		1740/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	489	2026	448	448			408	408			40				448	448			UBND phường Lý Văn Lâm						
III QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																																					
1	Đầu tư xây dựng Trụ sở nhà văn hóa xóm 5, phường Lý Văn Lâm	8175470	KBNN khu vực XX - Phòng GD số 12	314	C		Diện tích: 112,85m2	2026	1557/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	1.200		1727/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	1.168	2026	1.068	1.068			800	800			268				1.068	1.068			UBND phường Lý Văn Lâm						
2	Đầu tư xây dựng Trụ sở nhà văn hóa xóm Thanh Diên, phường Lý Văn Lâm	8175471	KBNN khu vực XX - Phòng GD số 12	341	C		Diện tích: 109,2 m2	2026	1556/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	1.500		1726/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	1.499	2026	1.408	408	1.000		1.000		1.000	408				1.408	408	1.000			UBND phường Lý Văn Lâm						
3	Xây dựng mới nhà làm việc các phòng ban	8199064	KBNN khu vực XX - Phòng GD số 12	341	C		Diện tích: -Khối phòng ban 1: 129,27 m2; -Khối phòng ban 2: 36,96 m2; - Nâng cấp sân, di dời mái che và cột điện: 59,40 m2	2026	1138/QĐ-UBND, ngày 26/5/2026	1.150		1374/QĐ-UBND, ngày 29/6/2026	1.149	2026	989	640	349			640	640			349				989	640	349		Ban Quản lý dự án					
IV HẠ TẦNG ĐÔ THỊ																																					
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Nguyễn Mai (đoạn từ đường Lê Anh Xuân đến cuối tuyến)	8180110	KBNN khu vực XX - Phòng GD số 12	292			Tổng chiều dài tuyến khoảng: 196,18m	2026	1548/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	3.245		1725/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.824	2.026	2.324	1.500	824		1.500	1.500			824				2.324	1.500	824		Ban Quản lý dự án						
V NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																																					
															5.000				1.500	1.500			800		1.500		1.000		1.000		Ủy ban nhân dân phường phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện theo quy định						